

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG H
TỈNH BẠC B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2021/DS - ST

Ngày: 18/3/2021

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG H, TỈNH BẠC B

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị N.Y

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Tiền.
2. Ông Nguyễn Minh Hoàng.

Thư ký phiên tòa: Ông Trương Quốc Đại là thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông H, tỉnh Bạc B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông H tham gia phiên tòa: Ông Trần Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2020/TLST – DS, ngày 02 tháng 3 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2020/QĐXX-ST ngày 04 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1967;

Bị đơn: Lê Thị N, sinh năm 1962 ;

Cùng địa chỉ: Ấp Anh D, xã An T, huyện Đông H, tỉnh Bạc B.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Lê Văn D, sinh năm 1961;

Ông Võ Thanh P, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Ấp Anh D, xã An T, huyện Đông H, tỉnh Bạc B.

(bà Tím, ông Phong, ông Dũng và bà Nhân có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 03/3/2020 cùng các lời khai trong quá trình tố tụng bà Đỗ Thị T trình bày:

Từ năm 2005 đến năm 2006, bà và chồng bà là ông Phong có cho ông Dũng và bà Nhân vay tiền và vàng, các lần cụ thể sau:

Vào ngày 21/9/2005, vay 07 chỉ vàng 18k và số tiền 18.000.000đ; ngày 06/01/2006, vay 05 chỉ vàng 24k; ngày 16/02/2006, vay 08 chỉ vàng 24k; ngày 12/4/2006 vay số tiền 500.000đ. Tổng cộng số tiền ông Dũng, bà Nhân vay là 18.500.000đ và 20 chỉ vàng 24k. Khi vay không thỏa thuận thời hạn trả. Lãi suất hai bên thỏa thuận 3%/tháng, từ khi vay thì ông Dũng, bà Nhân không trả vốn và lãi cho bà. Khi vay, thì ông Dũng là người trực tiếp gặp ông Phong hỏi vay và bà Nhân là người trực tiếp nhận.

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/3/2020, bà có yêu cầu tính lãi suất. Tuy nhiên, tại phiên Tòa hôm nay bà xin rút toàn bộ yêu cầu tính lãi. Bà chỉ yêu cầu bà Nhân, ông Dũng giao trả số tiền vốn vay 18.500.000đ và 20 chỉ vàng 24k. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Bà Lê Thị N trình bày: Bà thừa nhận các lần giao dịch vay tiền và vàng như bà Tím trình bày là đúng. Bà đồng ý giao trả cho bà Tím 18.500.000đ và 20 chỉ vàng 24k. Bà xác định, trong các lần vay, bà là người trực tiếp nhận tiền và vàng và vay nhằm phục vụ cuộc sống gia đình, phát triển kinh tế, chứ không phục vụ riêng cho bản thân bà. Nên bà yêu cầu ông Dũng cùng có trách nhiệm giao trả với bà.

Ông Võ Thanh P thống nhất với lời trình bày của bà Đỗ Thị T.

Ông Lê Văn D trình bày: Cách đây khoảng hơn mười năm, ông có vay của bà Tím số tiền 70.000.000đ và đã trả cho bà Tím xong, hiện nay không còn nợ bà Tím số tiền nào cả. Ông xác định, tại buổi hòa giải ngày 08/01/2020 tại Ban nhân dân ấp Anh D đúng là chữ ký của ông, ông có thừa nhận đã vay của bà Tím 10 chỉ vàng 24k và số tiền là 10.000.000đ, nhưng nay ông không đồng ý, vì lúc đó ông nhớ nhầm. Nay ông không đồng ý giao trả theo yêu cầu của bà Tím.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông H, tỉnh Bạc B phát biểu quan điểm cho rằng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định Luật tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật;

Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471, 474 và Điều 476 Bộ luật dân sự 2005. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của của bà Đỗ Thị T đối với bà Lê Thị N.

Buộc bà Lê Thị N và ông Lê Văn D cùng có trách nhiệm liên đới giao trả cho bà Đỗ Thị T 20 chỉ vàng 24k và số tiền 18.500.000đ.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đỗ Thị T không phải nộp án phí. Bà Lê Thị N phải nộp án phí số tiền 6.025.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông H về tuân theo pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bà Đỗ Thị T yêu cầu bà Lê Thị N và ông Lê Văn D giao trả số tiền vay còn thiếu. Đây là tranh chấp về giao dịch dân sự, bị đơn có địa chỉ cư trú tại ấp Anh D, xã An T, huyện Đông H, tỉnh Bạc B. Nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông H, tỉnh Bạc B.

Bà Đỗ Thị T, ông Võ Thanh P, ông Lê Văn D và bà Lê Thị N vắng mặt do có đơn đề nghị vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2]: Về nội dung: Bà Đỗ Thị T yêu cầu ông Lê Văn D và bà Lê Thị N giao trả số tiền vốn vay là 18.500.000đ và 20 chỉ vàng 24k. Bà Tím thừa nhận có nợ và đồng ý trả. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự ghi nhận đây là sự thật, nên cần buộc bà Nhân giao trả cho bà Tím là phù hợp.

Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, ông Lê Văn D không thừa nhận nợ, ông xác định trước đây đã có vay tiền của bà Tím nhưng đã trả xong. Tuy nhiên, ông không có gì để chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận. Mặt khác, bà Nhân là vợ của ông Dũng thừa nhận có nợ bà Tím 20 chỉ vàng 24k và số tiền 18.500.000đ (tại buổi hòa giải ngày 08/01/2020 tại Ban nhân dân ấp Anh D). Tại buổi hòa giải này, ông có chứng kiến và ký tên, không có ý kiến phản đối. Đồng thời, đây là khoản nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân và bà Nhân sử dụng số tiền để phục vụ cho cuộc sống, phát triển kinh tế gia đình, nên cần buộc ông Dũng cùng có trách nhiệm giao trả cho bà Tím là phù hợp.

Giá vàng 24k tại thời điểm xét xử là 5.100.000đ/01 chỉ vàng 24k.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đỗ Thị T không phải nộp án phí, bà Tím đã nộp tạm ứng án phí số tiền 2.712.500đ theo biên lai thu số 0008121 ngày 02/3/2020 được hoàn lại đủ. Bà Lê Thị N phải nộp án phí số tiền 6.025.000đ. Các đương sự nộp và nhận tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471, 474 và Điều 476 Bộ luật dân sự 2005.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của của bà Đỗ Thị T đối với bà Lê Thị N.
2. Buộc bà Lê Thị N và ông Lê Văn D cùng có trách nhiệm liên đới giao trả cho bà Đỗ Thị T 20 chỉ vàng 24k và số tiền 18.500.000đ (bà Nhân có trách nhiệm giao trả cho bà Tím 10 chỉ vàng 24k và số tiền 9.250.000đ; ông Dũng có trách nhiệm giao trả cho bà Tím 10 chỉ vàng 24k và số tiền 9.250.000đ).
3. Đình chỉ yêu cầu tính lãi suất của bà Đỗ Thị T đối với bà Lê Thị N và ông Lê Văn D.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đỗ Thị T không phải nộp án phí, bà Tím đã nộp tạm ứng án phí số tiền 2.712.500đ theo biên lai thu số 0008121 ngày 02/3/2020 được hoàn lại đủ. Bà Lê Thị N phải nộp án phí số tiền 6.025.000đ. Các đương sự nộp và nhận tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông H.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc B;
- VKSND huyện Đông H;
- Chi Cục THA.DS huyện Đông H;
- Các đương sự;
- Lưu.

Lê Thị N. Y

